

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 05/02/2021

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Bích Đào

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Tất Thê; Bà Nguyễn Thị Phương Nga.

**- T ký phiên toà:** Bà Lê Thị Hạnh - T ký Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 88/2020/TLST - HNGĐ, ngày 24/11/2020. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 07/01/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 02/QĐST – HNGĐ ngày 21/01/2021 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị **Lê Thị Anh T**; sinh năm 1995; Nơi đăng ký HKTT: Thôn H, xã N, Thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh. Chỗ ở hiện nay: Xóm N Hải, xã Kỳ Hải, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (Có mặt tại phiên tòa).

**Bị đơn:** Anh **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1991; Nơi đăng ký HKTT: Thôn H, xã N, Thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tự do tại Hàn Quốc (Vắng mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ vụ án, chị Lê Thị Anh T trình bày:

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lê Thị Anh T và anh Nguyễn Văn N kết hôn với nhau vào ngày 19/5/2014 tại Ủy ban nhân dân xã N, Huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (Nay là xã N, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh). Trước khi kết hôn chị T và anh N được tự do tìm hiểu, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được hơn 02 năm. Đến tháng 10/2016 anh Nguyễn Văn N đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, thời gian đầu vợ chồng cũng Tổng liên lạc, chia sẻ cùng nhau mọi vấn đề trong cuộc sống. Nhưng bắt đầu từ năm 2017, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh N rất ít khi liên lạc với vợ con, cũng không gửi

chi phí để nuôi con. Do sống cách xa nhau không có thời gian bên nhau để chia sẻ cùng nhau, hàn gắn những mâu thuẫn nên tình cảm cứ thế phai nhạt dần. Chị T không rõ địa chỉ cụ thể của anh N tại Hàn Quốc, hiện tại chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể tiếp tục hàn gắn, hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

*Về quan hệ con chung:* Quá trình chung sống chị T và anh N có 02 con chung là Nguyễn Lê G, sinh ngày 06/11/2014, Nguyễn Lê T, sinh ngày 31/8/2016. Tại nội dung đơn khởi kiện chị T có nguyện vọng được nhận nuôi hai con đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh N đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Quá trình Tòa giải quyết vụ án chị T đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện của vợ chồng chị về việc nuôi dưỡng các con chung như sau: Chị Lê Thị Anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Lê G, sinh ngày 06/11/2014 đến tuổi trưởng thành; Anh Nguyễn Văn N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Lê T, sinh ngày 31/8/2016 đến tuổi trưởng thành, trong thời gian anh N đang lao động tại Hàn Quốc tạm thời giao cháu T cho bà nội là bà Trần Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên không bên nào phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

*Về quan hệ tài sản chung, nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, T ký và các đương sự, phân tích nội dung vụ án, đã đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Anh T. Xử cho chị Lê Thị Anh T được ly hôn với anh Nguyễn Văn N; Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện của vợ chồng về việc nuôi dưỡng các con chung như sau: Chị Lê Thị Anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Lê G, sinh ngày 06/11/2014 đến tuổi trưởng thành ; anh Nguyễn Văn N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Lê T, sinh ngày 31/8/2016 đến tuổi trưởng thành, trong thời gian anh N đang lao động tại Hàn Quốc tạm thời giao cháu T cho bà nội là bà Trần Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên không bên nào phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm, cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

[1] Về tố tụng:

[1.1] Anh Nguyễn Văn N hiện đang lao động tự do tại Hàn Quốc không có địa chỉ cụ thể. Tại công văn số 22484/QLXNC-P5, ngày 01/12/2020 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an, xác nhận: Anh Nguyễn Văn N, sinh ngày

17/01/1991 đã xuất nhập cảnh 11 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 24/10/2016, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tòa án đã tiến hành xác minh qua người thân của anh Nguyễn Văn N là bà Trần Thị H (mẹ đẻ của anh N). Tại Biên bản xác minh bà Trần Thị H cho biết: Anh N lao động tại Hàn Quốc nhưng địa chỉ cụ thể bà không rõ. Anh N Tòng xuyên liên lạc về với gia đình qua điện thoại, biết việc chị Lê Thị Anh T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh, anh có thông tin cho biết mâu thuẫn tình cảm vợ chồng, nay chị T yêu cầu ly hôn anh đồng ý; Về con chung giữa anh và chị T có 02 con chung là Nguyễn Lê G, sinh ngày 06/11/2014, Nguyễn Lê T, sinh ngày 31/8/2016, vợ chồng đã bàn bạc và thống nhất thỏa thuận đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện của vợ chồng về việc nuôi dưỡng các con chung; Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, về nợ chung anh N chịu trách nhiệm trả toàn bộ nên không yêu cầu Tòa án xem xét. Hiện tại, anh N đang lao động tự do tại Hàn Quốc không thể về trực tiếp giải quyết vụ án cũng như phiên tòa nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh; bà Trần Thị H và anh Nguyễn Văn N cũng đề nghị Tòa án giao các văn bản tố tụng của Tòa án thông qua bà H, bà cam đoan sẽ gửi và thông tin đầy đủ cho anh N, nếu anh N gửi tài liệu về thì bà sẽ giao nộp cho Tòa án. Theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt N ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn N theo quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Anh T và anh Nguyễn Văn N đã tuân thủ các điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn ngày 19/5/2014 tại Ủy ban nhân dân xã N, Thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định về điều kiện kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đến đầu năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn kể từ khi anh N đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, giữa vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không còn quan tâm, liên lạc gì với nhau, dẫn đến tình cảm không còn, không thể tiếp tục, duy trì cuộc sống hôn nhân được nữa.

Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chung thủy, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau...nhưng hôn nhân của chị T và anh N không đạt được mục đích đó, mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng không còn Thương yêu, quý trọng, chăm sóc, chung thủy, giúp đỡ nhau. Tại Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định “*Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly*

*hôn*”. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Anh T xử cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn N để mỗi người tự xây dựng cuộc sống mới tốt đẹp hơn.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Lê Thị Anh T và anh Nguyễn Văn N có 02 con chung là Nguyễn Lê G, sinh ngày 06/11/2014, Nguyễn Lê T, sinh ngày 31/8/2016. Hai cháu hiện sống cùng bà nội Trần Thị H, được bà chăm sóc, yêu thương các cháu đều phát triển tốt cả về thể chất lẫn tinh thần. Tại nội dung đơn khởi kiện chị T có nguyện vọng được nhận nuôi dưỡng hai con đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh N đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Nhưng quá trình Tòa án giải quyết tại nội dung bản tự khai ngày 23/12/2020 (b1 39), biên bản lấy lời khai (b1 41, 42) chị trình bày: bản thân chị là phụ nữ, cuộc sống còn nhiều khó khăn, công việc chưa ổn định; phía gia đình anh N mặc dù anh N không sinh sống tại Việt N nhưng có mẹ là bà Trần Thị H cũng rất yêu thương các cháu, ông bà nội cũng là người có sức khỏe tốt, thu nhập khá nên chị và anh N đã bàn bạc thống nhất thỏa thuận về việc nuôi dưỡng các con chung như sau: Chị Lê Thị Anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Lê G, sinh ngày 06/11/2014 đến tuổi trưởng thành; Anh Nguyễn Văn N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Lê T, sinh ngày 31/8/2016 đến tuổi trưởng thành trong thời gian anh N đang lao động tại Hàn Quốc tạm thời giao cháu T cho bà nội là bà Trần Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên không bên nào phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm, cản trở. Thỏa thuận này của vợ chồng là hoàn toàn tự nguyện đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận này. Tại biên bản xác minh các ngày 04/12/2020, 16/12/2020, 23/12/2020 (b1 24, 25, 29, 30, 33, 34) bà Trần Thị H cho biết bà đủ điều kiện về thời gian, sức khỏe, tiền bạc để chăm sóc nuôi dưỡng các cháu; anh N mặc dù lao động tại Hàn Quốc nhưng cũng thường xuyên liên lạc nói chuyện với các con và gửi chi phí về để bà trang trải cuộc sống cho các cháu. Anh Nguyễn Văn N qua cuộc gọi bằng hình ảnh thông qua ứng dụng Messger trên điện thoại có sự chứng kiến của chính quyền địa phương cũng đã trình bày vợ chồng anh đã có sự bàn bạc, thống nhất về việc chăm sóc nuôi dưỡng các con chung như chị T đã trình bày. Xét thỏa thuận của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế. Do đó, cần căn cứ quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình, ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện của vợ chồng về việc chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng các con chung như các đương sự đã trình bày.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[2.4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 28, 37, 227, 273, 469, khoản 2 Điều 479, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao về giải quyết vụ án Ly hôn có bị đơn là người Việt N ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Anh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Anh T được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện của vợ chồng về việc chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung như sau: Chị Lê Thị Anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Lê G, sinh ngày 06/11/2014 đến tuổi trưởng thành; Anh Nguyễn Văn N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Lê T, sinh ngày 31/8/2016 đến tuổi trưởng thành; Trong thời gian anh N đang lao động tại Hàn Quốc tạm thời giao cháu T cho bà nội là bà Trần Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên không bên nào phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

2. Về án phí: Buộc chị Lê Thị Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000079 ngày 23/11/2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã N;
- Dương sự;
- Lưu HS, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Bích Đào**